TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 – CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2026/HNGĐ-ST
Ngày 28 tháng 4 năm 2026
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Hồng Lam**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Khưu Liên Dung**

Ông **Lê Trường Hận**

Thư ký phiên tòa: Bà **Hồng Thị Xuân** - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 – Cà Mau.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà **Phạm Thị Hồng Ngọc** - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 36/2026/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 01 năm 2026 về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Sầu R, sinh ngày 19/02/1983;

Địa chỉ: Ấp A, xã P, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Lê Thành H, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Số 308, đường Đ, Khóm B, phường V, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Sầu R trình bày:

- Về hôn nhân: Bà R và ông Lê Thành H sống chung như vợ chồng từ năm 2009, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu ngày 15/12/2009. Trong quá trình chung sống, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không phù hợp tính tình, dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Bà R yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với ông H.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống có 01 người con chung tên Lê Minh Q, sinh ngày 23/9/2010. Bà R yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản và nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Lê Thành H vắng mặt, nên không có ý kiến trình bày.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Cà Mau phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và nội dung vụ án:

- Về thủ tục tố tụng:

Từ khi thụ lý cho đến phiên tòa xét xử sơ thẩm, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Giải quyết đúng thẩm quyền, cấp, tống đạt các văn bản đúng quy định. Thành phần Hội đồng xét xử đúng quy định, không thuộc trường hợp phải thay đổi ai. Vì vậy, về mặt thủ tục tố tụng, Viện kiểm sát không có ý kiến hay kiến nghị.

- Về nội dung vụ án:

Có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Sầu R đối với ông Lê Thành H.

Về con chung: Trong quá trình chung sống có 01 người con chung tên Lê Minh Q, sinh ngày 23/9/2010. Giao con chung cho bà R trực tiếp nuôi, hiện con chung đang sống cùng bà R, cho nên bà R được tiếp tục nuôi dưỡng con chung.

Ông Lê Thành H được quyền thăm nom con chung, không ai được phép cản trở.

Ông Lê Thành H không cấp dưỡng nuôi con do bà Nguyễn Thị Sầu R không yêu cầu.

Về tài sản chung; Nợ chung: Đương sự xác định không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Án phí: Nguyên đơn phải chịu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; ý kiến của đương sự; quan điểm của đại diện Viện kiểm sát; sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Sầu R khởi kiện yêu cầu ly hôn, nuôn con với ông Lê Thành H, nên đây là tranh chấp về ly hôn, nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông H có nơi cư trú tại phường B, tỉnh Cà Mau, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết

của Tòa án nhân dân khu vực 6- Cà Mau theo quy định tại Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2025.

[2] Xét thấy bà Nguyễn Thị Sầu R có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Lê Thành H đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, nên Tòa án xét xử vắng mặt bà R, ông H theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Sầu R và ông Lê Thành H tự nguyện sống chung như vợ chồng từ năm 2009, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu ngày 15/12/2009. Nên hôn nhân giữa bà R và ông H là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Bà R xác định trong quá trnh chung sống, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không phù hợp tính tình, dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Ông H trong quá trình giải quyết vụ án không có ý kiến. Mặt khác, Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng ông H đều vắng mặt. Qua đó cho thấy bà R và ông H không có khả năng hàn gắn tình cảm. Xét thấy mục đích của hôn nhân giữa bà R và ông H không đạt được.

Căn cứ Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà R, cho bà R được ly hôn với ông H.

[4] Về con chung: Trong quá trình chung sống có 01 người con chung tên Lê Minh Q, sinh ngày 23/9/2010. Bà R yêu cầu được trực tiếp nuôi con. Con chung Lê Minh Q cũng có nguyện vọng được sống cùng bà R, ông H không có ý kiến. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận giao con chung cho bà R trực tiếp nuôi.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Bà R không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con, cho nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Ông Lê Thành H được quyền thăm nom con chung, không ai được phép cản trở.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà R xác định không có, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, ông H không có ý kiến. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Sầu R phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[7] Quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

[8] Đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Cà Mau có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 228; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2025;

- Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Sầu R đối với ông Lê Thành H. Bà Nguyễn Thị Sầu R được ly hôn với ông Lê Thành H.

2. Về con chung: Trong quá trình chung sống có 01 người con chung tên Lê Minh Q, sinh ngày 23/9/2010. Giao con chung cho bà R trực tiếp nuôi, hiện con chung đang sống cùng bà R, cho nên bà R được tiếp tục nuôi dưỡng con chung.

Ông Lê Thành H được quyền thăm nom con chung, không ai được phép cản trở.

Ông Lê Thành H không cấp dưỡng nuôi con do bà Nguyễn Thị Sầu R không yêu cầu.

3. Về tài sản chung; Nợ chung: Đương sự xác định không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình bà Nguyễn Thị Sầu R phải chịu 300.000 đồng. Bà R đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0001144 ngày 28/01/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau được chuyển thu án phí 300.000 đồng.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

6. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 6 – Cà Mau;
- THADS tỉnh Cà Mau;
- UBND phường Bạc Liêu, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu.

Lê Hồng Lam